



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Ngày 31/12/2024	29,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	3.6%	16.0%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
7.7%
YoY: +/-▲ 2.7%

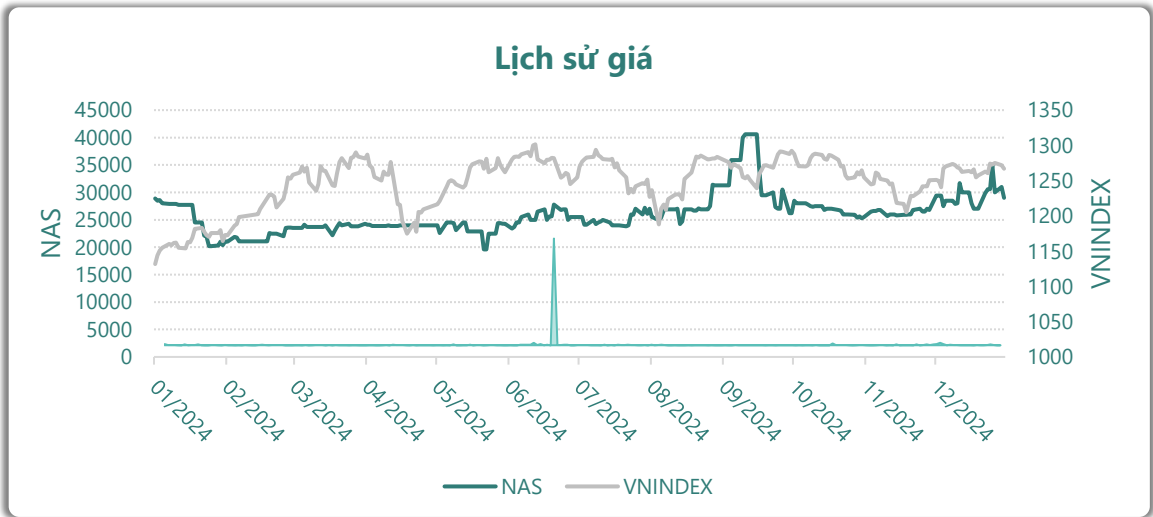
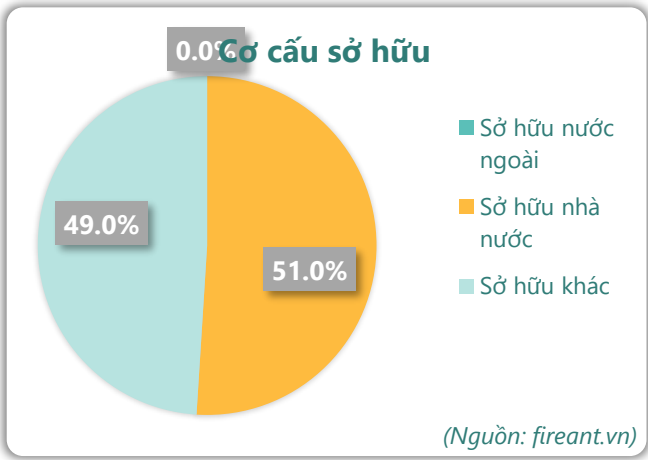
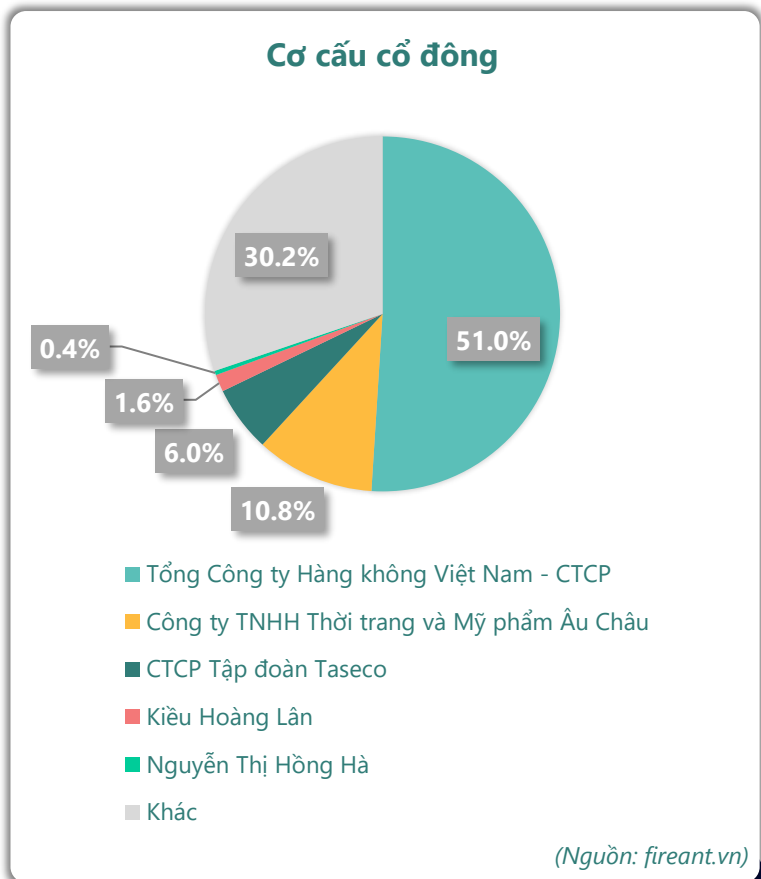
ROE 2024
31.4%
YoY: +/-▲ 11.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 40,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	241
Số lượng CPLH (CP)	8,315,482
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,005
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.33)
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
525
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.0 9.0%

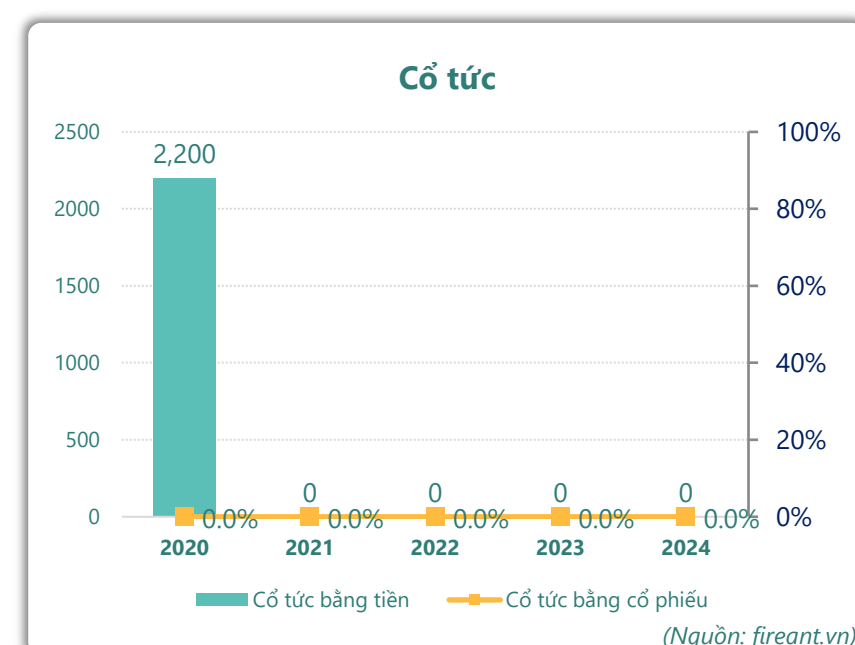
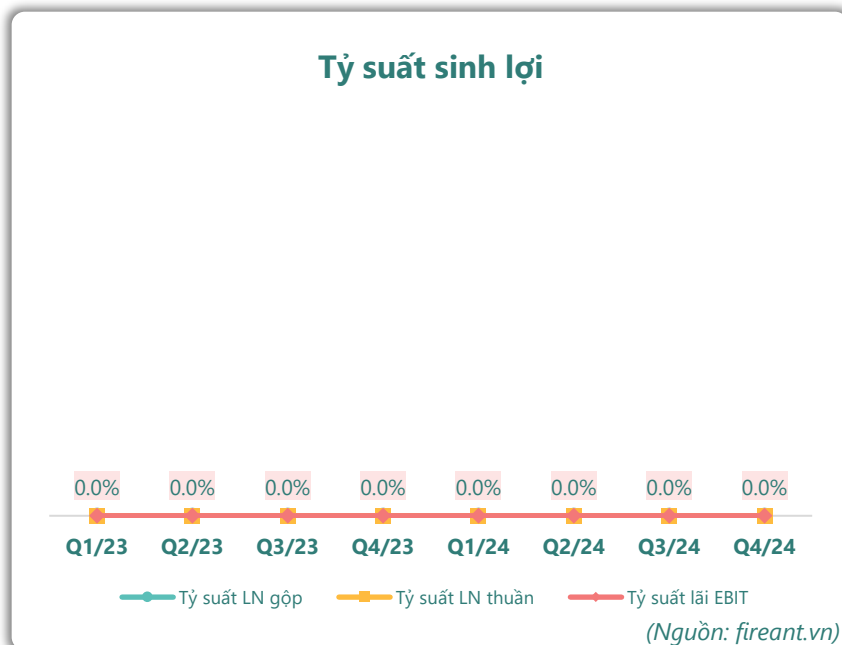
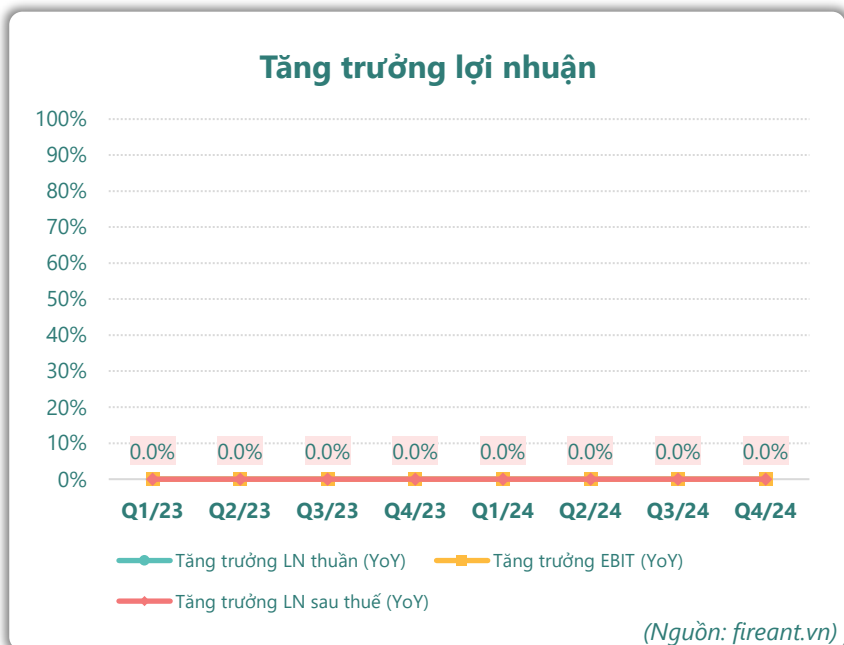
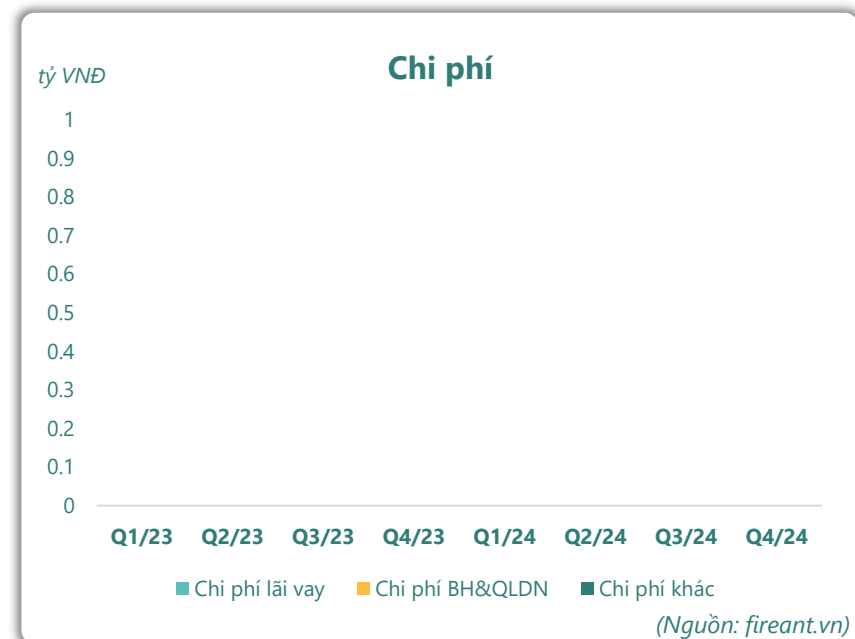
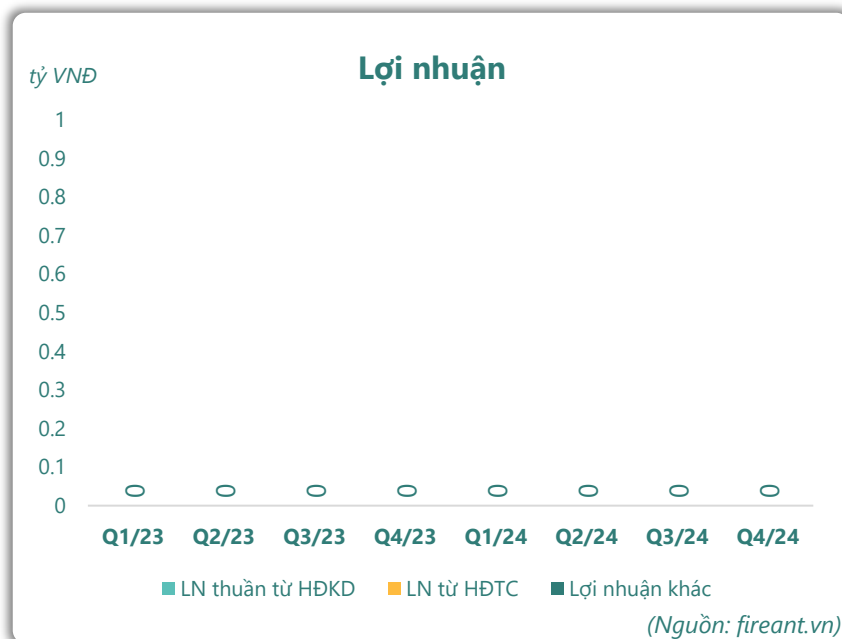
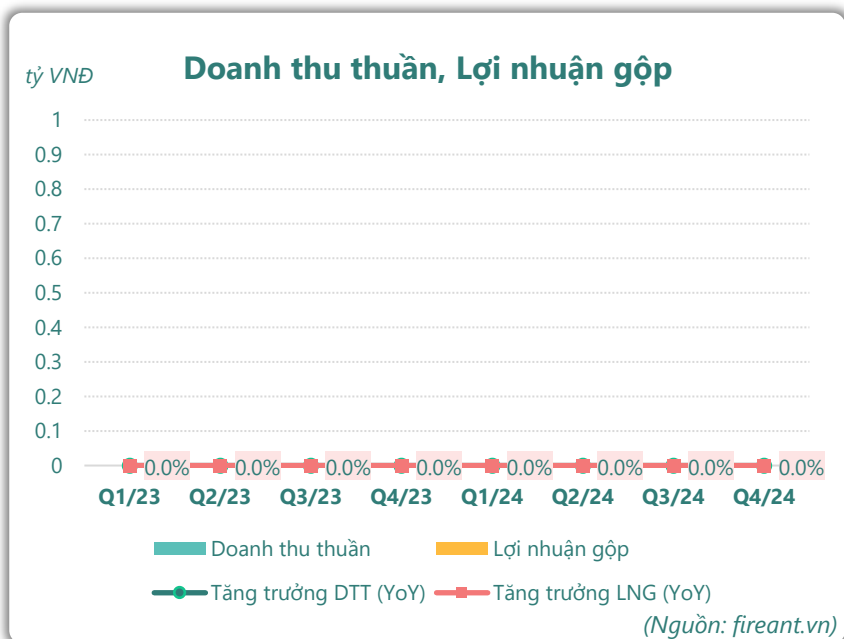
LN thuần 2024
35.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.9 180%

LN sau thuế 2024
37.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.3 188%





KẾT QUẢ KINH DOANH

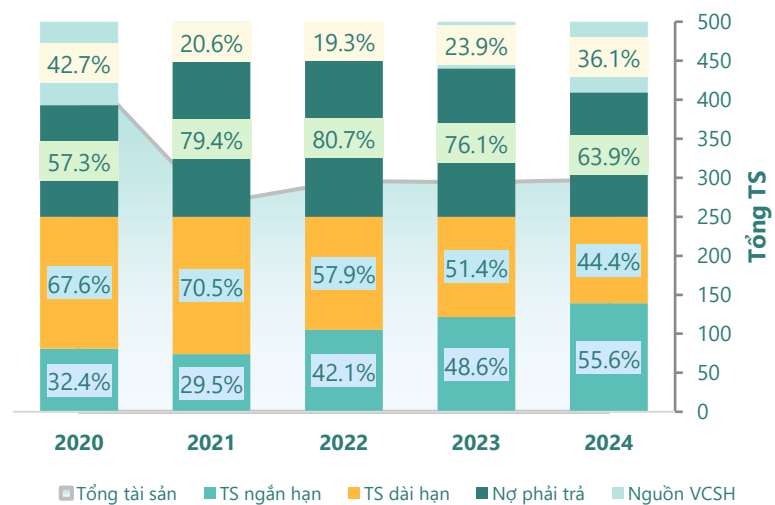




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

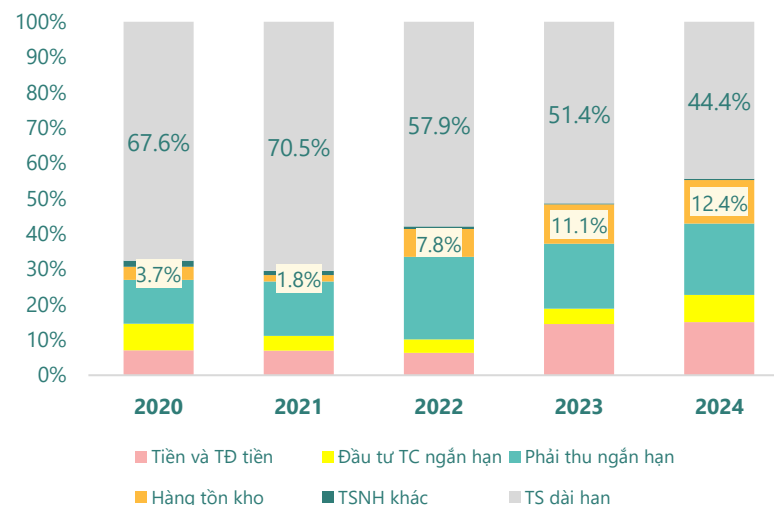
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

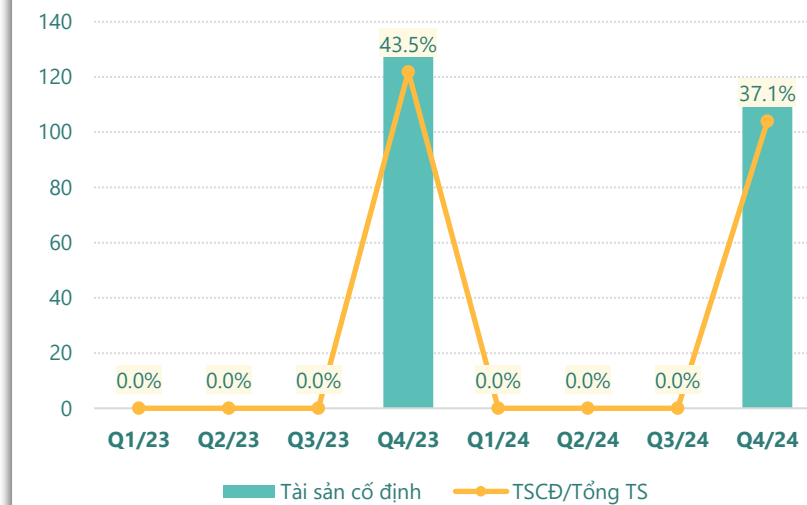
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

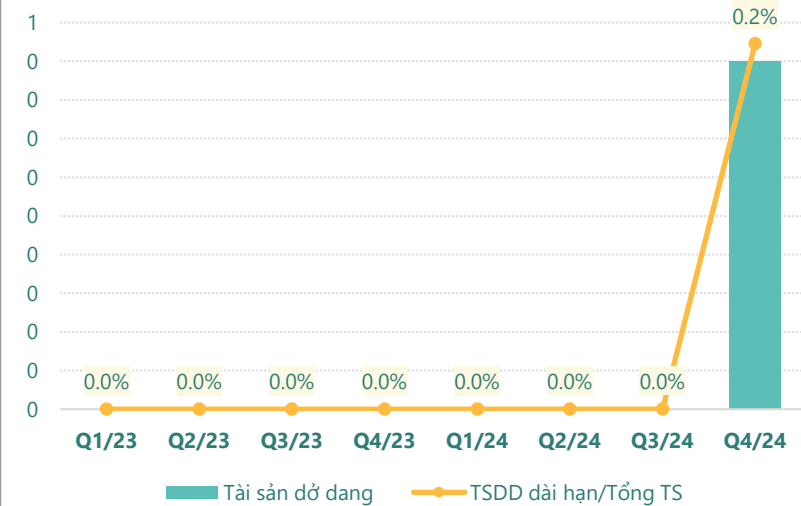
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

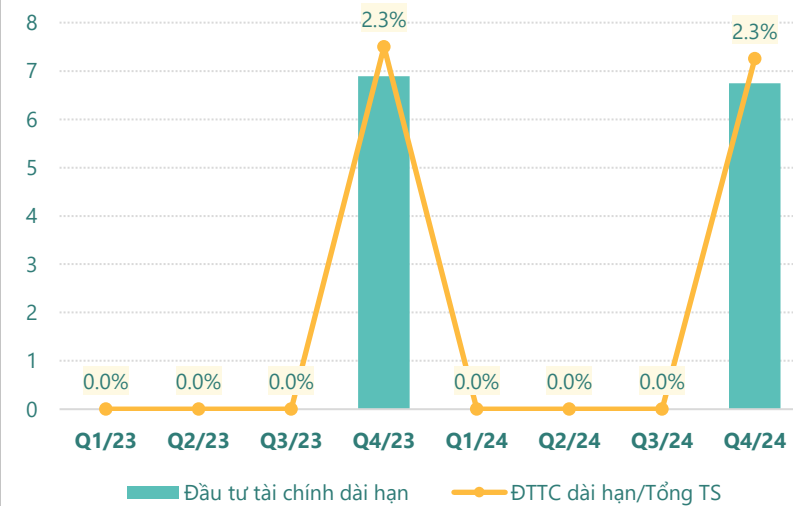
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

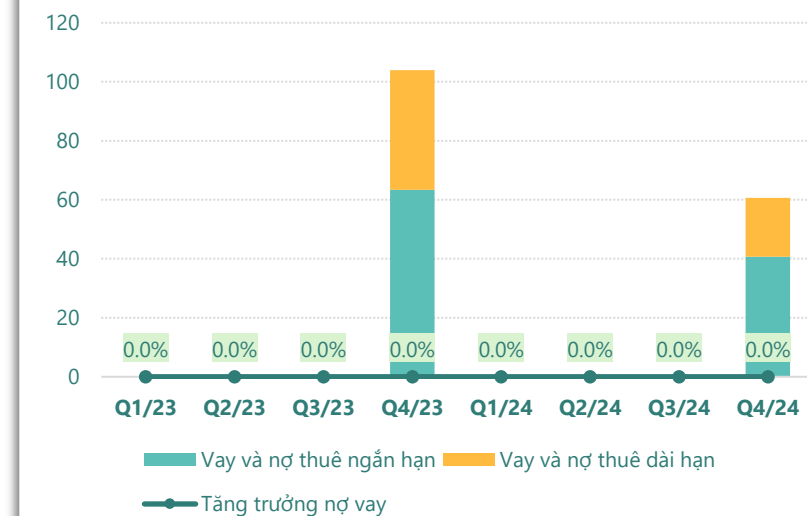
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

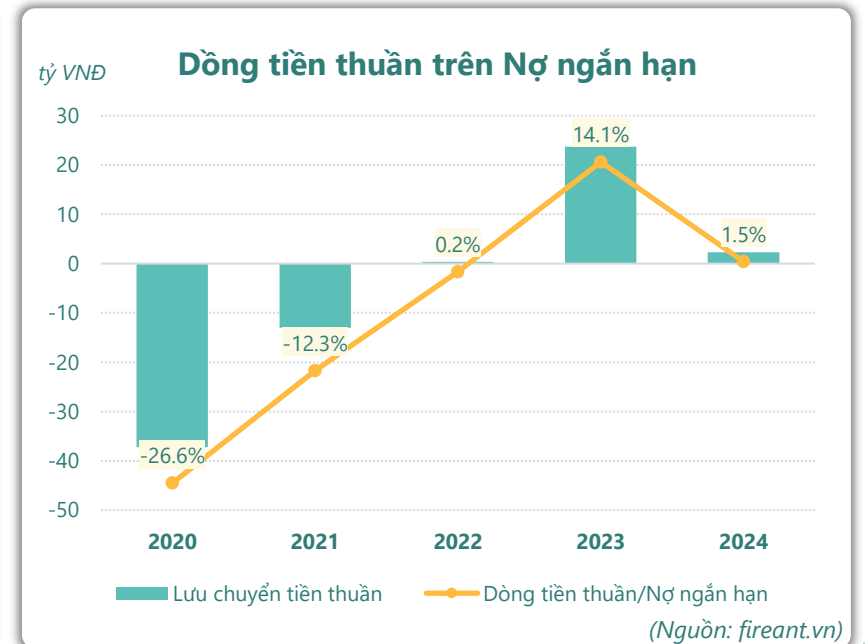
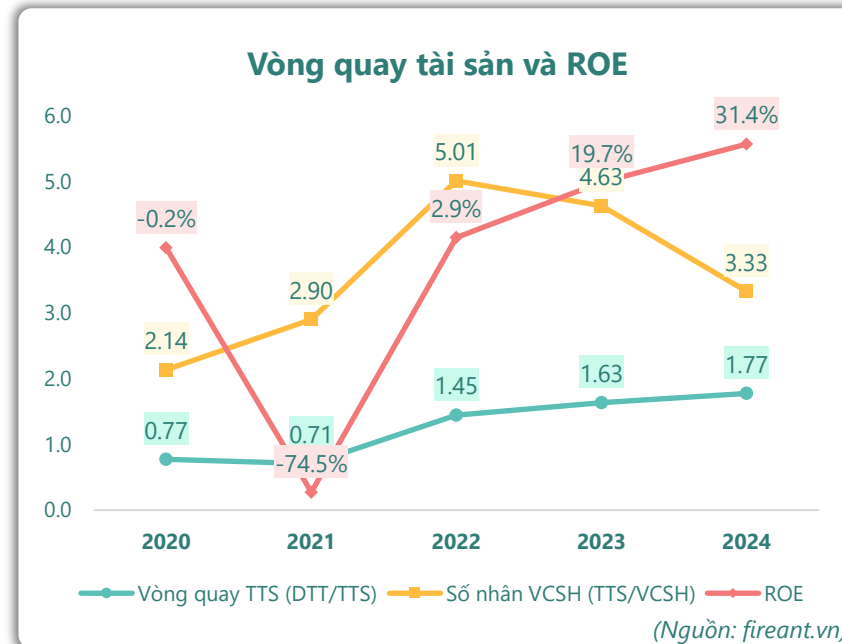
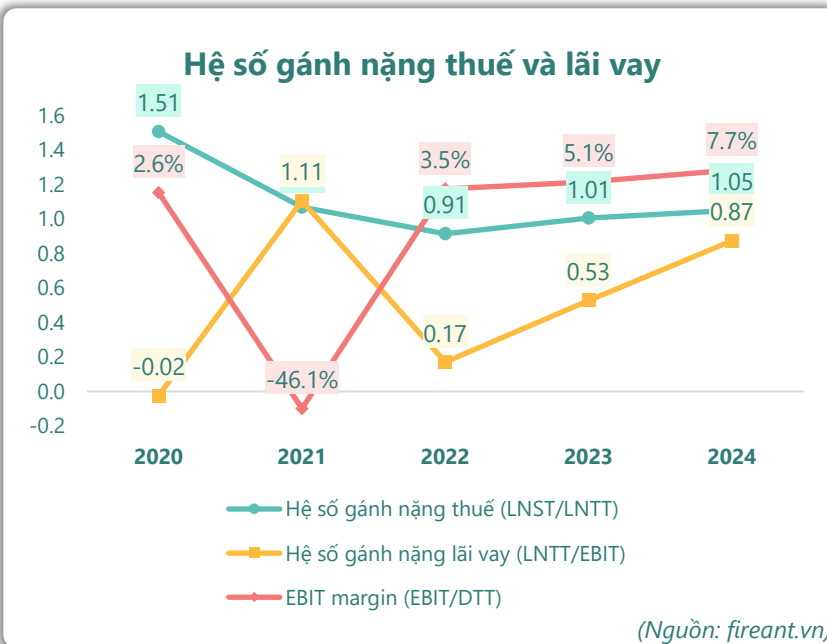
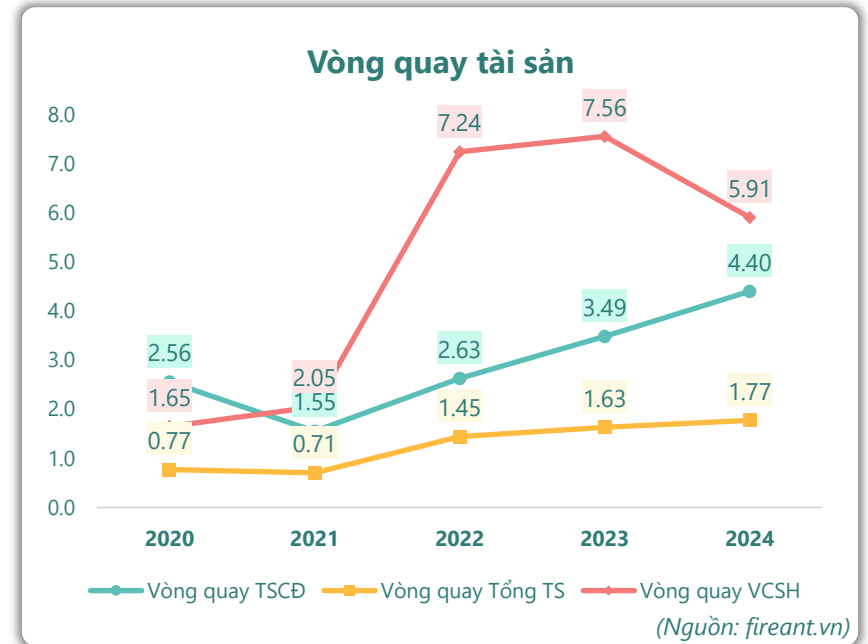
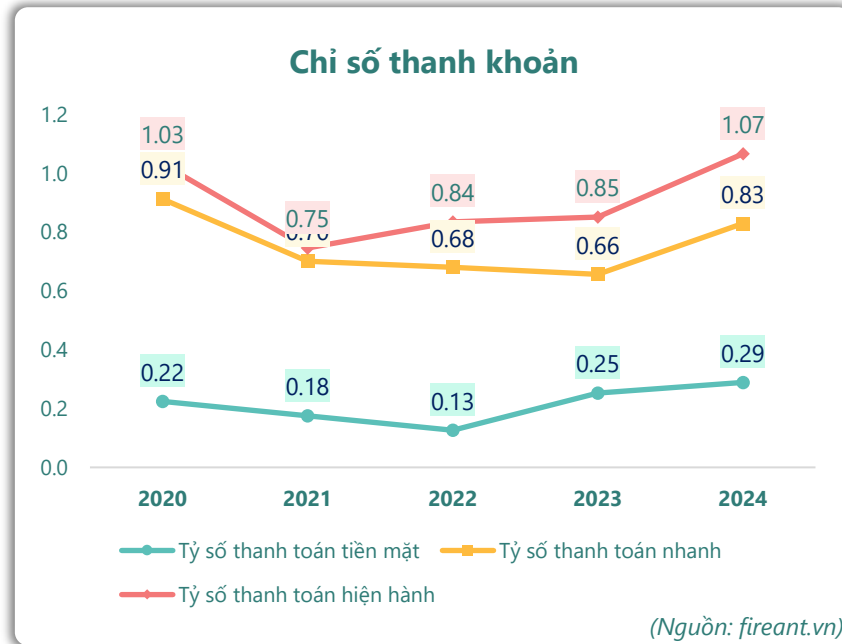
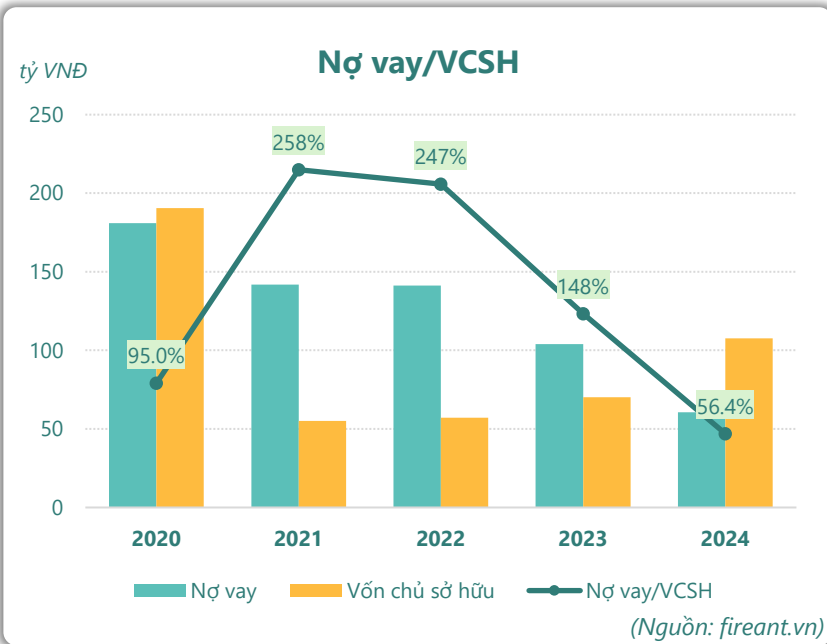
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				525	482	9.0%
Giá vốn hàng bán				243	233	4.4%
Lợi nhuận gộp				282	249	13.3%
Doanh thu HĐTC				27.4	15.3	78.9%
Chi phí TC				6.02	11.8	-49.2%
Chi phí lãi vay				5.11	11.6	-56.0%
LN trong công ty LKLD				-0.15	-0.04	-246%
Chi phí bán hàng				203	179	13.1%
Chi phí QLDN				64.9	60.3	7.6%
LN thuần từ HĐKD				35.6	12.7	180%
Lợi nhuận khác				-0.02	0.24	-107%
LN trước thuế				35.5	12.9	175%
Lợi nhuận sau thuế				37.3	13.0	188%
LNST của CĐ cty mẹ				27.9	12.6	122%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	298	294	1.2%
Tài sản ngắn hạn	165	143	15.8%
Tiền và tương đương tiền	44.8	42.5	5.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.7	12.9	76.3%
Phải thu ngắn hạn	60.0	54.0	11.1%
Hàng tồn kho	36.8	32.7	12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0.72	39.4%
Tài sản dài hạn	132	151	-12.6%
Phải thu dài hạn	1.35	1.31	2.5%
Tài sản cố định	111	128	-13.6%
Bất động sản đầu tư	10.0	10.7	-6.8%
Tài sản dở dang	0.45	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.74	6.89	-2.2%
Tài sản dài hạn khác	3.10	3.87	-19.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	190	224	-15.1%
Nợ ngắn hạn	155	168	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.7	63.4	-35.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.2	51.1	6.0%
Nợ dài hạn	35.0	56.2	-37.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	40.5	-50.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	70.2	53.2%
Vốn chủ sở hữu	108	70.2	53.2%
Vốn điều lệ	83.2	83.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

